TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 21 - 3 - 2022
V/v: T/c hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mưng Niê**

2. Bà **Nguyễn Thị Hệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông **Y Đum Kpă** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2020/ TLST- DS, ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H (viết tắt H Bank)

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Th; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Kh, phường B, quận 1, thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Quế Sơn Tr – Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm kiêm trưởng phòng Giám sát nợ - Trung tâm xử lý nợ theo Quyết định số: 678A/2020/QĐTGĐ ngày 06/4/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H

Bà Trần Quế Sơn T ủy quyền cho ông Lê Văn K tham gia tố tụng.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn C, bà Nguyễn Thị Nh

Địa chỉ: Thôn 10, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 03/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 18/6/2019, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh vay với số tiền gốc 140.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 937/19PGDKrB/HĐTD theo khế ước nhận nợ số 937/19PGDKrB/HĐTD/KUNN01 thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11.5%/năm và ngày 19/6/2019, Ngân hàng TMC Phát triển thành phố H có cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh vay với số tiền gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 1453/18PGDKrB/HĐTD theo khế ước nhận nợ số 1453/18 PGD KrB/HĐTD /KUNN02 thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11.5%/năm. Lãi suất cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt theo quy định trong khế ước nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn trồng trọt.

Để bảo đảm cho hai khoản vay nói trên anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh có thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 23, diện tích 4826.2 m^2 được UBND huyện K cấp cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh ngày 16/7/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 831254; Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 937/19PGDKrB/ HĐBĐ, ngày 18/6/2019 và Thửa đất số 117, tờ bản đồ 23, diện tích 4448 m^2 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh ngày 30/8/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 393643; Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1453/18PGDKrB /HĐBĐ, ngày 21/9/2018.

Mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh vẫn cố tình trốn tránh không chịu trả nợ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2022 là 345.193.044 đồng, trong đó tổng nợ gốc của hai khoản vay là 240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.896.214 đồng và nợ lãi quá hạn là: 85.296.830 đồng .

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2022 theo các hợp đồng tín dụng số: 937/19PGDKrB/HĐTD, ngày 18/6/2019 và hợp đồng tín dụng số: 1453/18PGDKrB/HĐTD ngày 19/ 6/2019 cho đến khi anh C, chị Nh trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H thì Ngân hàng Phát triển thành phố H có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 23, diện tích 4826.2 m^2 được UBND huyện K cấp cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh ngày 16/7/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ

831254; Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 937/19PGDKrB/ HĐBĐ, ngày 18/6/2019 và Thửa đất số 117, tờ bản đồ 23, diện tích 4448 m^2 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh ngày 30/8/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 393643; Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1453/18PGDKrB /HĐBĐ, ngày 21/9/2018.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tống đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn vợ chồng anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh, mặc dù đã nhận, cũng như Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng vợ chồng anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H khởi kiện anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn đúng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng.

Theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 5/5/2017 thì trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặt khác trước khi khởi kiện Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H đã tiến hành làm việc với anh C, chị Nh và Thông báo về việc khởi kiện tại Toà án cho anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh.

Tòa án đã tiến niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Xét hợp hợp đồng tín dụng số: 937/19PGDKrB/HĐTD, ngày 18/6/2019 và hợp đồng tín dụng số: 1453/18 PGDKrB/HĐTD ngày 19/ 6/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H với vợ chồng anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh là đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh chưa thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H được khoản tiền gốc nào và vi phạm nghĩa vụ trả lãi kể về thời hạn trả nợ từ ngày 18/6/2020 và ngày 19/6/2020. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Lê Tấn C và chị Nguyễn Thị Nh phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H tính đến ngày xét xử 21/3/2022 là 345.193.044 đồng, trong đó tổng nợ gốc của hai khoản vay là 240.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.896.214 đồng và nợ lãi quá hạn là: 85.296.830 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về tiền lãi phát sinh: Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2022 theo các hợp đồng tín dụng số: 937/19PGDKrB/HĐTD, ngày 18/6/2019 và hợp đồng tín dụng số: 1453/18PGDKrB/HĐTD ngày 19/ 6/2019 cho đến khi anh C, chị Nh trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 937/19PGDKrB/ HĐBĐ, ngày 18/6/2019 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1453/18PGDKrB /HĐBĐ, ngày 21/9/2018. giữa Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H với vợ chồng anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên phát sinh hiệu lực. Do đó, Trường hợp anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

gồm: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 23, diện tích 4826.2 m^2 được UBND huyện K cấp cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh ngày 16/7/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 831254; Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 937/19PGDKrB/ HĐBĐ, ngày 18/6/2019 và Thửa đất số 117, tờ bản đồ 23, diện tích 4448 m^2 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh ngày 30/8/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 393643; Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1453/18PGDKrB /HĐBĐ, ngày 21/9/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H là phù hợp với quy định.

Trường hợp vợ chồng anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh bản gốc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: số BQ 831254 và CM 393643 mang tên anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh .

[3]. Về chi phí tố tụng : Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (nguyên đơn đã nộp và chi xong). Anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H 1.000.000 đồng đã nộp.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 17.259.000 đồng (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 353; 317, 318, 319, 321, 322, 323; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H

1. Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc vợ chồng anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (tạm tính đến ngày xét xử ngày 21/3/2022) với tổng số tiền 345.193.044 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu một trăm chín mươi ba nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó tổng nợ gốc của hai khoản vay là 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn: 19.896.214 đồng (*Mười chín*

triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm mười bốn đồng) và nợ lãi quá hạn là: 85.296.830 đồng (*Tám mươi lăm triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng*)

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2022 theo các hợp đồng tín dụng số: 937/19PGDKrB/HĐTD, ngày 18/6/2019 và hợp đồng tín dụng số: 1453/18 PGDKrB/HĐTD ngày 19/ 6/2019 cho đến khi anh C, chị Nh trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H thì Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: Thửa đất số 58, tờ bản đồ 23, diện tích 4826.2 m^2 được UBND huyện K cấp cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh ngày 16/7/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 831254; Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 937/19PGDKrB/ HĐBĐ, ngày 18/6/2019 và Thửa đất số 117, tờ bản đồ 23, diện tích 4448 m^2 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh ngày 30/8/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 393643; Địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1453/18PGDKrB /HĐBĐ, ngày 21/9/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H

Trường hợp vợ chồng anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố H có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh bản gốc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: số BQ 831254 và CM 393643 mang tên anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh .

3. Về chi phí tố tụng : Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (nguyên đơn đã nộp và chi xong). Anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H 1.000.000 đồng đã nộp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Tấn C, chị Nguyễn Thị Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 17.259.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền 6.543.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0006646, ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk*
- *Lưu Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Văn Chinh